

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TH
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:38/2023/DS-ST
Ngày 02-8-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH-TỈNH LONG A**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn H

2.Bà Trần Thị N

-Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Hiếu L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Chánh T - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:109/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:56/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:36/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1985 - Hộ kinh doanh Út V

Địa chỉ: ấp Kênh Đ, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A (có mặt).

2.Bị đơn: ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1963

bà Phạm Thị Th, sinh năm 1969

Cư trú: ấp Kênh Đ, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng H: bà Phạm Thị Th, sinh năm 1969 (có mặt).

Cư trú: ấp Kênh Đ, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn U - Hộ kinh doanh Út V trình bày: Trước đây

ông có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Th có trả tiền và mua tiếp tục, tính đến hết ngày 11/3/2020 vợ chồng bà Th còn nợ 75.814.000đồng và yêu cầu trả lãi 1,5% tính từ ngày 11/3/2020 đến hết ngày 05/6/2023 là 38 tháng lãi cụ thể:

$75.814.000\text{đồng} \times 1,5\% \times 38 \text{ tháng} = 43.213.980\text{đồng}$, tổng cộng gốc và lãi 119.027.980đồng. Ngoài ra tính đến hết ngày 05/6/2023 vợ chồng bà Th mua tiếp vật tư nông nghiệp còn nợ 9.066.000đồng, tổng cộng nợ 119.027.980đồng + 9.066.000đồng = 128.039.980đồng.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Th trả tiền gốc và lãi 128.039.980đồng. Ngoài ra yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 05/6/2023 đối với số tiền nợ gốc 84.880.000đồng cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với lãi suất 1,5%/tháng.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Th, người đại diện theo ủy quyền ông H có bà Phạm Thị Th trình bày: Vợ chồng bà có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng ông U đến ngày 01/6/2016 chốt sổ số tiền 51.008.000đồng có trả 24.008.000đồng, còn nợ 27.000.000đồng, từ ngày 15/10/2017 đến ngày 06/10/2018, cộng gốc và lãi 86.578.000đồng, đến ngày 06/10/2018 vợ chồng bà trả 30.000.000đồng còn nợ 56.578.000đồng.

Trong thời gian từ ngày 06/10/2018 đến ngày 11/3/2020 ông U tính lãi 19.236.000đồng đối với số tiền nợ gốc 56.578.000đồng. Sau đó vợ chồng bà mua tiếp vật tư nợ số tiền 9.066.000đồng. Tổng cộng 56.578.000đồng tiền gốc + lãi 19.236.000đồng + 9.066.000đồng nợ gốc = 84.880.000đồng. Nay do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần số tiền gốc 84.880.000đồng và phần lãi xin giảm tính mức lãi 0,83%/tháng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo quy định pháp luật dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định BLTTDS về xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Nhận thấy: Trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Văn U cung cấp chứng cứ biên nhận ngày 11/3/2020 ông H, bà Th nợ số tiền 75.814.000đồng và ngày 05/6/2023 nợ thêm 9.066.000đồng. Phía bị đơn bà Th thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của ông U và có trả tiền, đến ngày 11/3/2020 ông U tính lãi 19.236.000đồng đối với số tiền gốc 56.578.000đồng, đến ngày 05/6/2023 mua tiếp vật tư nợ số tiền 9.066.000đồng, tổng cộng 84.880.000đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền 84.880.000đồng, phía bà Th xin trả dần 02 vụ lúa nhưng không được ông U không đồng ý và yêu cầu trả một lần có cơ sở.

Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết ông U yêu cầu 1,5%/tháng, nhưng

biên nhận nợ ngày 11/3/2020 và ngày 05/6/2023 không thỏa thuận lãi, tại phiên tòa ông U có thay đổi yêu cầu ông H, bà Th trả lãi 0,83%/tháng việc yêu cầu trả lãi phía bà Th đồng ý và thời gian tính từ ngày 11/3/2020 đến ngày 05/6/2023 và tiếp tục trả lãi đối với số tiền còn đến ngày giải quyết xong vụ án là có lợi cho vợ chồng Thủy và phù hợp khoản 2 Điều 357 BLDS.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 BLTTDS năm 2015; Điều 357, 430, 440, 468 BLDS năm 2015; NQ 326 quy định về án phí, lệ phí. Đề nghị HĐXX tuyên:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U - Hộ kinh doanh Út V.

Buộc ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Th trả ông Nguyễn Văn U tiền gốc 84.880.000đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 11/3/2020 đến ngày 05/6/2023 và tiếp tục trả lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Vụ việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” giữa ông Nguyễn Văn U - Hộ kinh doanh Út V (viết tắt ông U) với vợ chồng ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Th là tranh chấp dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn U cung cấp chứng cứ là 01 giấy nợ ghi ngày 11/3/2020 số tiền 75.814.000đồng và ngày 05/6/2023 số tiền 9.066.000đồng của vợ chồng ông Nguyễn Hồng Hải và bà Phạm Thị Th.

[2.1] Tại phiên tòa, ông U khai có bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng bà Th nhiều năm có trả tiền và bà Th mua tiếp, tính đến ngày 11/3/2020 giữa ông và vợ chồng bà Th chốt sổ ký nhận số tiền nợ 75.814.000đồng. Còn bà Th thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của ông U nhiều lần đến ngày 01/6/2016 chốt sổ bà nợ ông U 51.008.000đồng và bà trả 24.008.000đồng, còn nợ 27.000.000đồng. Từ ngày 15/10/2017 đến ngày 06/10/2018, cộng gốc và lãi 86.578.000đồng và bà trả 30.000.000đồng, còn nợ 56.578.000đồng, nên ông U tính lãi từ ngày 06/10/2018 đến ngày ký giấy nợ 11/3/2020 tiền lãi là 19.236.000đồng + tiền gốc 56.578.000đồng = 75.814.000đồng. Xét thấy theo lời khai của bà Th tuy không có giấy tờ hay chứng cứ chứng minh việc thanh toán tiền cho ông U, nhưng phù hợp với giấy nợ của vợ chồng bà Th ký tên ngày 11/3/2020. Đồng thời tại phiên tòa ông U và bà Th thống nhất với nhau vợ chồng bà Th còn nợ tiền vật tư nông nghiệp của ông U là 75.814.000đồng, nên ông U yêu cầu vợ chồng bà Th trả 01 lần dứt điểm số tiền nợ nhưng phía bà Th xin trả làm 02 vụ lúa mà không được ông U đồng ý và ông yêu cầu trả một lần có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[2.2] Về lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn U yêu cầu trả lãi 1,5%/tháng số tiền nợ 75.814.000đồng tính từ ngày nhận nợ 11/3/2020

đến ngày 05/6/2023 và cộng vào số tiền 9.066.000đồng mua vật tư còn nợ đến ngày 05/6/2023 và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa ông U có thay đổi yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng và thời gian tính lãi số tiền nợ 75.814.000đồng từ ngày 11/3/2020 đến ngày xét xử, đồng thời ông U yêu cầu vợ chồng bà Th trả lãi của số tiền nợ 9.066.000đồng tính từ ngày 05/6/2023 đến ngày xét xử. Xét thấy ông U có thay đổi mức lãi suất yêu cầu trả lãi 0,83%/tháng và thay đổi cách tính lãi của 02 khoản tiền nợ gốc là có lợi cho bà Th, ngoài ra yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự: “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”, do đó ông U yêu cầu trả lãi của số tiền gốc 75.814.000đồng, thời gian tính từ ngày 11/3/2020 đến ngày xét xử là ngày 02/8/2023 là 40 tháng 21 ngày được tính như sau: $75.814.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 40\text{ tháng } 21\text{ ngày} = 25.609.700\text{đồng}$ (lấy tròn) tiền lãi.

[3] Còn đối với số tiền 9.066.000đồng ghi nhận ngày 05/6/2023, tại phiên tòa ông U và bà Th thống nhất với nhau ngày 05/6/2023 vợ chồng bà Th có mua vật tư nông nghiệp nợ ông U số tiền 9.066.000đồng là phù hợp, tuy nhiên bà Th xin trả làm 02 vụ lúa nhưng ông U không đồng ý và yêu cầu vợ chồng bà Th một lần có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[3.1] Về lãi suất, ông U yêu cầu vợ chồng bà Th trả lãi tính từ ngày 05/6/2023 đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng bà Th đồng ý, do đó tính lãi từ ngày 05/6/2023 đến ngày xét xử là ngày 02/8/2023 là 01 tháng 27 ngày được tính như sau: $9.066.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 01\text{ tháng } 27\text{ ngày} = 142.900\text{đồng}$ (lấy tròn) tiền lãi.

[3.2] Vì vậy ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Th có nghĩa vụ trả ông Nguyễn Văn U- Hộ kinh doanh Út V tiền gốc 84.880.000đồng và tiền lãi 25.752.600đồng có cơ sở.

[4] Về án phí: Ông H và bà Th có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; ông U đơn yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên không phải chịu tiền án phí và được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U - Hộ kinh doanh Út V.

1.Buộc ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Th có nghĩa vụ trả ông Nguyễn

Văn U - Hộ kinh doanh Út V, tổng số tiền gốc và tiền lãi 110.632.600đồng (*Một trăm mười triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.Về án phí: ông Nguyễn Hồng H và bà Phạm Thị Th phải chịu 5.531.630đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Hoàn trả ông Nguyễn Văn U 3.202.400đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001804 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Th.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận.

-TAND tỉnh Long An;

-VKSND huyện Tân Th;

-Chi cục THADS huyện Tân Th;

-Các đương sự;

-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H